

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1) Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn K** (TB) - Sinh năm: 1970, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre - Đại diện Hộ kinh doanh Phạm Văn K.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn L** - Sinh năm: 1962, địa chỉ: khu phố D, phường E, thành phố G, tỉnh Bến Tre.

1.2) Bị đơn:

+ Ông **Nguyễn Văn T** - Sinh năm: 1964, địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bà **Lê Thị P** - Sinh năm: 1966, địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Văn K (TB) - Đại diện Hộ kinh doanh Phạm Văn K số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo còn nợ là 840.810.000VNĐ (tám trăm bốn mươi triệu tám trăm mười ngàn đồng) và tiền lãi là 20.000.000VNĐ (hai mươi triệu đồng).

2.2) Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3) Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.3.1. Ông Phạm Văn K (TB) - Đại diện Hộ kinh doanh Phạm Văn K tự nguyện nhận chịu 9.456.000VNĐ (chín triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông K đã nộp là 18.335.000VNĐ (mười tám triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001694 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre, hoàn trả lại cho ông K số tiền chênh lệch là 8.879.000VNĐ (tám triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn đồng).

2.3.2. Ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị P nhận liên đới chịu 9.456.000VNĐ (chín triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông T, bà P được giảm 4.728.000VNĐ (bốn triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Như vậy, ông T, bà P có nghĩa vụ liên đới nộp 4.728.000VNĐ (bốn triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện C;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyễn